

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn chuyên ngành (Điện)
(22808302)

Ngày thi: 05/05/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122050122	Nguyễn Chi	An	15/11/2004	CCQ2205D	132	8.6	3.2	5.4	
2	2122050149	Nguyễn Văn	Bảo	24/10/2004	CCQ2205D	209	8.8	9.4	9.2	
3	2122060059	Hà Đức	Cang	06/02/2004	CCQ2206B	357	7.3	6.0	6.5	
4	2122050151	Lê Quí	Cầu	11/10/2004	CCQ2205C	485	6.8	4.6	5.5	
5	2122050117	Nguyễn Văn	Chương	16/12/2004	CCQ2205D	132	6.5	4.4	5.2	
6	2122050082	Đoàn Đông	Cơ	16/06/2004	CCQ2205C	209	5.5	3.4	4.2	
7	2122050127	Nguyễn Ngọc	Đức	13/03/2004	CCQ2205D	357	9.4	8.0	8.6	
8	2122050128	Nguyễn Xuân	Dương	01/01/2004	CCQ2205D	485	6.5	6.0	6.2	
9	2122050144	Hà Trần Ngọc	Giăng	19/01/2004	CCQ2205D		0.0			
10	2122140064	Nguyễn Huy	Hoàng	23/02/2001	CCQ2205D	209	6.4	7.8	7.2	
11	2122050139	Võ Văn	Hùng	23/01/2004	CCQ2205C	357	8.0	4.2	5.7	
12	2122050077	Nguyễn Công	Hưng	12/12/2004	CCQ2205C	485	6.2	3.4	4.5	
13	2122050129	Tổng Quang	Huy	09/06/2002	CCQ2205D		0.0			
14	2122170390	Nguyễn Trần Đức	Hy	25/07/2004	CCQ2205D	209	7.9	5.6	6.5	
15	2122050083	Nguyễn Duy	Khánh	30/11/2004	CCQ2205C	357	7.8	7.6	7.7	
16	2122060080	Nguyễn Đăng	Khoa	19/08/2004	CCQ2206B	485	8.3	8.4	8.4	
17	2122050086	Trần Đăng	Khoa	01/01/2004	CCQ2205C	132	7.5	9.2	8.5	
18	2122050092	Trần Hiếu	Kỳ	07/12/2004	CCQ2205C		0.0			
19	2122050013	Trần Gia	Lâm	26/08/2004	CCQ2205D	357	9.4	9.2	9.3	
20	2122050133	Đỗ Văn Ngọc	Lưu	20/01/2004	CCQ2205D	485	3.5	6.4	5.2	
21	2122170394	Lê Văn	Lưu	26/07/2004	CCQ2205D	132	7.3	6.2	6.6	
22	2122050094	Nguyễn Văn	Minh	02/10/2004	CCQ2205C	209	6.3	5.8	6.0	
23	2122170387	Võ Xuân	Minh	05/08/2004	CCQ2205D	357	6.8	3.8	5.0	
24	2122050099	Trương Công	Nghĩa	14/04/2004	CCQ2205C	485	7.3	4.6	5.7	
25	2122050075	Nguyễn Đình	Ngọc	12/10/2003	CCQ2205C	132	6.3	5.0	5.5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Hoc kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn chuyên ngành (Điện)
(22808302)

Ngày thi: 05/05/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 23

Số bài thi:23....

Số tờ giấy thi: 23.

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122050106	Dương Thành	Nguyễn	16/02/2004	CCQ2205D	357 Nguyễn	9.0	9.6	9.4	
2	2122140060	Mai Quốc	Nhật	02/02/2004	CCQ2205C	485 Nhật	5.9	7.6	6.9	
3	2122050097	Nguyễn Minh Khánh	Nhật	26/09/2003	CCQ2205C		0.0			
4	2122200018	Đặng Thanh	Phúc	20/08/2002	CCQ2205D	209 Phúc	7.8	6.8	7.2	
5	2122050148	Nguyễn Minh	Phúc	14/07/2004	CCQ2205C	357 Phúc	4.0	9.2	7.1	
6	2122050089	Nguyễn Đức	Quân	10/05/2004	CCQ2205C		0.0			
7	2122060001	Lê Vinh	Quảng	20/01/2000	CCQ2206A	132 Quảng	6.6	7.8	7.3	
8	2122050090	Trần Văn	Quyển	02/10/2004	CCQ2205C	209 Quyển	7.8	2.8	4.8	
9	2122050130	Dương Minh	Tân	22/12/2004	CCQ2205D	357 Tân	5.6	9.4	7.9	
10	2122050107	Lê Thanh	Thái	24/07/2002	CCQ2205D	485 Thái	7.2	6.6	6.8	
11	2122050122	Danh Thiện	Thanh	06/03/2002	CCQ2205D		0.0			
12	2122180045	Trương Lương Nguyễn	Thành	13/11/2004	CCQ2205D	209 Thành	8.5	5.8	6.9	
13	2122170536	Đào Huỳnh Xuân	Thiện	21/08/2004	CCQ2205D	357 Xuân	7.9	8.8	8.4	
14	2122050124	Võ Đức	Thịnh	12/12/2004	CCQ2205D	485 Thịnh	7.5	7.6	7.6	
15	2122050147	Huỳnh Văn	Thuận	26/05/2003	CCQ2205C	132 Thuận	6.9	4.6	5.5	
16	2122050081	Trương Lê Ngọc	Tiên	06/11/2003	CCQ2205C	209 Tiên	8.5	6.0	7.0	
17	2122170537	Phan Trần Phước	Tiến	29/08/2004	CCQ2205D	357 Phước	6.9	8.0	7.6	
18	2122170522	Châu Văn	Toàn	11/02/2004	CCQ2205D		3.8			
19	2122050078	Lê Minh	Tri	07/12/2004	CCQ2205C	132 Tri	5.8	6.0	5.9	
20	2122050074	Nguyễn Hữu	Trọng	29/06/2003	CCQ2205C	209 Trọng	5.7	6.8	6.4	
21	2122050126	Lê Thành	Trung	29/10/2004	CCQ2205D	357 Thành	8.0	7.5	7.7	
22	2122050085	Nguyễn Thành	Trung	22/11/2004	CCQ2205C	485 Thành	7.7	7.6	7.6	
23	2122050111	Võ Thanh	Trung	20/06/2004	CCQ2205D	132 Thanh	7.7	8.4	8.1	
24	2122050095	Nguyễn Trung	Tử	24/02/2004	CCQ2205C	209 Tử	6.1	6.0	6.0	
25	2122050105	Nguyễn Quốc	Việt	11/03/2004	CCQ2205D	357 Việt	6.6	7.0	6.8	
26	2122050123	Nguyễn Văn	Vin	01/04/2003	CCQ2205D	485 Văn	7.7	7.0	7.3	
27	2122050103	Trần Anh	Vũ	08/05/2004	CCQ2205D	132 Anh	8.6	7.4	7.9	